**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | | **Vận dụng cao** | |  |
| **TNKQ** | | **TL** | | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn | **5** | | **0** | | **3** | **0** | **0** | **2** | **0** | |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân. | 0 | | 1\* | | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | | ***25*** | | ***5*** | ***15*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | | **30** | | | **30%** | | **30%** | | | **10%** | |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | | **60%** | | | | | **40%** | | | | |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 60 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | **Số câu hỏi theo mức độ**  **nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn | **Nhận biết:**  **-** Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật.  - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.  - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu.  **Thông hiểu:**  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề của văn bản.  - Phân tích được tình cảm, thái độ của người kể chuyện thể hiện qua ngôn ngữ, giọng điệu.  - Hiểu và phân tích được tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể, cách kể chuyện.  - Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.  - Giải thích được nghĩa thành ngữ thông dụng, yếu tố Hán Việt thông dụng; nêu được tác dụng của các biện pháp tu từ (ẩn dụ, hoán dụ), công dụng của dấu chấm phẩy, dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng**:  - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.  - Chỉ ra được điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai văn bản. | | 5TN | 3TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân. | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:**  Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; sử dụng ngôi kể thứ nhất để chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể. | |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | | |  | **5TN** | **3TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | | |  | ***30*** | ***30*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | | |  | **60** | | **40** | |

**ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn Ngữ văn lớp 6**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (8.0 điểm)**

**Đọc đoạn trích sau:**

*Gió nồm vừa thổi, dượng Hương nhổ sào. Cánh buồm nhỏ căng phồng. Thuyền rẽ sóng lướt bon bon như đang nhớ núi rừng phải lướt cho nhanh để về cho kịp.*

*Chỉ một chốc sau, chúng tôi đã đến ngã ba sông, chung quanh là những bãi dâu trải ra bạt ngàn đến tận những làng xa tít.*

*Thỉnh thoảng chúng tôi gặp những thuyền chất đầy cau tươi, dây mây, dầu rái, những thuyền chở mít, chở quế. Thuyền nào cũng xuôi chậm chậm. Càng về ngược, vườn tược càng um tùm. Dọc sông, những chòm cổ thụ dáng mãnh liệt đứng trầm ngâm lặng nhìn xuống nước. Núi cao như đột ngột hiện ra chắn ngang trước mặt. Đã đến Phường Rạnh. Thuyền chuẩn bị vượt nhiều thác nước.*

*Đến Phường Rạnh, dượng Hương sai nấu cơm ăn để được chắc bụng. Mùa nước còn to, có khi suốt buổi phải chống liền tay không phút hở. Ba chiếc sào bằng tre đầu bịt sắt đã sẵn sàng. Nước từ trên cao phóng giữa hai vách đá dựng đứng chảy đứt đuôi rắn. Dượng Hương Thư đánh trần đứng sau lái co người phóng chiếc sào xuống lòng sông nghe một tiếng “soạc”! Thép đã cắm vào sỏi! Dượng Hương Thư ghì chặt trên đầu sào, lấy thế trụ lại, giúp cho chú Hai và thằng Cù Lao phóng sào xuống nước. Chiếc sào của dượng Hương dưới sức chống bị cong lại. Nước bị cản văng bọt tứ tung, thuyền vùng vằng cứ chực trụt xuống, quay đầu chạy về lại Hòa Phước.*

*Những động tác thả sào, rút sào rập ràng nhanh như cắt. Thuyền cố lấn lên. Dượng Hương Thư như một pho tượng đồng đúc, các bắp thịt cuồn cuộn, hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa ghì trên ngọn sào giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ. Dượng Hương Thư đang vượt thác khác hẳn dượng Hương Thư ở nhà, nói năng nhỏ nhẻ, tính nết nhu mì, ai gọi cũng vâng vâng dạ dạ.*

*Cho đến chiều tối, thuyền vượt qua khỏi thác Cổ Cò.*

*Chú Hai vứt sào, ngồi xuống thở không ra hơi. Dòng sông cứ nhảy quanh co dọc những núi cao sừng sững. Dọc sườn núi, những cây to mọc giữa những bụi lúp xúp nom xa như những cụ già vung tay hô đám con cháu tiến về phía trước. Qua nhiều lớp núi, đồng ruộng lại mở ra. Đã đến Trung Phước.*

(Trích *Vượt thác*, Võ Quảng, *Ngữ văn 6*, *Tập hai*, NXB Giáo dục, 2016, tr. 37)

**Thực hiện các yêu cầu:**

Câu 1. Đoạn trích trên được kể theo ngôi thứ mấy?(Nhận biết)

1. Ngôi thứ nhất
2. Ngôi thứ hai
3. Ngôi thứ ba
4. Kết hợp nhiều ngôi kể

Câu 2. Trong đoạn trích, người kể chuyện quan sát ở vị trí nào? (Nhận biết)

1. Trên con thuyền đi giữa dòng sông
2. Trên thuyền đi cặp hai bên bờ sông
3. Trên cùng một dãy núi cao ven sông
4. Trên thuyền và đi sau dượng Hương Thư

Câu 3. Từ láy có trong câu*“Dượng Hương Thư như một pho tượng đồng đúc, các bắp thịt cuồn cuộn, hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa ghì trên ngọn sào giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ”* là từ nào? (Nhận biết)

1. Đồng đúc
2. Cuồn cuộn
3. Hùng vĩ
4. Hiệp sĩ

Câu 4. Trong đoạn trích trên, tác giả đã đề cập đến loại gió nào của vùng đất miền Trung? (Nhận biết)

1. Gió Lào
2. Gió se
3. Gió nồm
4. Gió bấc

Câu 5. Đoạn trích trên tập trung miêu tả đối tượng nào? (Nhận biết)

1. Chú Hai
2. Dượng Hương Thư.
3. Thằng Cù Lao
4. Sông Thu Bồn

Câu 6. Chi tiết *“Dượng Hương Thư như một pho tượng đồng đúc, các bắp thịt cuồn cuộn, hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa ghì trên ngọn sào giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ”* đã làm nổi bật vẻ đẹp nào của dượng Hương Thư?(Thông hiểu)

A. Chăm chỉ, cần cù

B. Hiền lành, tốt bụng.

C. Giản dị, khiêm nhường.

D. Mạnh mẽ, kiên cường.

Câu 7. Đoạn trích trên làm nổi bật điều gì? (Thông hiểu)

1. Sự hùng vĩ của dòng thác trên sông Thu Bồn.
2. Vẻ đẹp và sức mạnh của người lao động.
3. Sức khoẻ phi thường của dượng Hương Thư.
4. Những vất vả của người dân đất Quảng.

Câu 8. Nhận xét nào sau đây thể hiện đầy đủ nét đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả ở đoạn trích trên? (Thông hiểu)

A. Làm nổi bật cảnh thiên nhiên dọc theo hai bên bờ sông.

B. Khái quát được sự dữ dằn và hiền dịu của dòng sông.

C. Làm nổi bật hình ảnh con người trong tư thế lao động.

D. Phối hợp tả cảnh thiên nhiên với tả hoạt động của con người.

Câu 9. Em học tập được gì từ nhân vật dượng Hương Thư trong đoạn trích? (Vận dụng)

Câu 10. Nêu 3 việc cụ thể em sẽ làm để thực hiện bài học vừa rút ra ở trên. (Vận dụng)

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Bằng lời văn của mình, hãy kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân em.

------------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**Môn: Ngữ văn lớp 6**

**-------------**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
| **1** | C | 0,5 |
| **2** | A | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | B | 0,5 |
| **6** | D | 0,5 |
| **7** | B | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
| **9** | HS nêu được bài học phù hợp cho bản thân. | 1,0 |
| **10** | HS nêu được 3 việc làm phù hợp để thực hiện bài học vừa rút ra. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự* | 0,25 |
| *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Kể lại một trải nghiệm của bản thân em | 0,25 |
| *c. Kể lại câu chuyện*  HS có thể triển khai câu chuyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  \* Về nội dung:  - Giới thiệu trải nghiệm và nêu lý do em muốn kể lại.  - Giới thiệu nhân vật, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện.  - Trình bày chi tiết các sự việc xảy ra từ lúc mở đầu cho đến lúc kết thúc theo trình tự thời gian.  - Nêu cảm nghĩ về câu chuyện.  \* Về nghệ thuật:  - Dùng ngôi thứ nhất để kể.  - Kết hợp kể với miêu tả, biểu cảm. | 2,5 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,5 |
| *e. Sáng* tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. | 0,5 |